

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T.  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 48 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 10- 2019

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Út

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Anh Đức

2. Ông Lương Minh Suốt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 252/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Vĩnh Ng, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp E, xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau.(Có đơn vắng mặt)

**Bị đơn:** Bà Hứa Thùy Tr, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 24, đường D, ấp H, thị trấn X, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Có đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 9 năm 2019 và biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện T, nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh Ng trình bày:

Ông Nguyễn Vĩnh Ng và bà Hứa Thùy Tr xây dựng hôn nhân vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 112 ngày 04 tháng 7 năm 2019. Trong quá trình

chung sống, ông Nguyễn Vĩnh Ng và bà Hứa Thùy Tr chưa có con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có. Sau khi cưới bà Tr về sống bên gia đình ông Ng tại ấp E, xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau, vợ chồng sống chung được 17 ngày thì ly thân nhau do trong thời gian chung sống giữa ông Ng và bà Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường cãi vã với nhau do tính tình không hợp, nguyên nhân mâu thuẫn ông Ng cho rằng do bà Tr khi sống chung với ông bà Tr không thành thật hay nói dối, lừa gạt đối với ông dẫn đến vợ chồng sống chung không hạnh phúc nên ông Ng yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Vĩnh Ng yêu cầu được ly hôn với bà Hứa Thùy Tr .
- Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ng thì bà Tr đã được Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo triệu tập bà Tr đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Tr không đến tham gia phiên họp và hòa giải và không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ng cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án. nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bà Tr đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ng được. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông Ng cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án. Và bà Tr có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại các phiên tòa xét xử sơ thẩm đề ngày 16/9/2019

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ng đối với bà Tr. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, ông Ng phải chịu theo qui định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Vĩnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Hứa Thùy Tr và hiện nay bà Tr cư trú tại ấp H, thị trấn X, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Tr đã được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Tr có đơn yêu cầu vắng mặt nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Bà Tr đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng bà Tr có đơn yêu cầu vắng mặt và nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh Ng cũng có đơn yêu cầu xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Vĩnh Ng và bà Hứa Thùy Tr .

[2] Về nội dung: Ông Ng và bà Tr xây dựng hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 04/7/2019 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của ông Ng, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn ông Ng và bà Tr sống hạnh phúc không lâu vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Ng cho rằng trong cuộc sống vợ chồng sống chung nhưng lại thiếu sự thành thật với nhau, bà Tr hay nói dối và lừa gạt đối với ông nên ông thấy vợ chồng không thể sống với nhau có hạnh phúc được nên khi vợ chồng mới cưới nhau được 17 ngày thì hai người phải sống ly thân nhau đến nay. Xét thấy từ ngày ông Ng và bà Tr sống ly thân đến nay hai người cũng không có biện pháp gì hàn gắn lại và bà Tr cũng biết được việc ông Ng yêu cầu ly hôn đối với bà nhưng bà Tr cũng không có thiện chí hàn gắn nên khi Tòa án thông báo mời hòa giải thì bà Tr lại có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án, từ phân tích trên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Ng và bà Tr đến mức trầm trọng tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông Ng xin ly hôn với bà Tr là cần thiết. Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Vĩnh Ng đối với bà Hứa Thùy Tr là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, ông Nguyễn Vĩnh Ng xác định vợ chồng không có con chung, bà Tr cũng không thể hiện có tranh chấp về con chung và không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Vĩnh Ng xác định không có tài sản chung và nợ chung, bà Tr cũng không thể hiện có tranh chấp tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông Nguyễn Vĩnh Ng phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Vĩnh Ng, ông Nguyễn Vĩnh Ng được ly hôn với bà Hứa Thùy Tr.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, ông Nguyễn Vĩnh Ng phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Vĩnh Ng đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009109 ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự Phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa

thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND tt X;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Út**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi..... giờ..... phút, ngày 25 tháng 10 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Anh Đức

2. Ông Lương Minh Suốt

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:252/2019/TLST – HNGĐ ngày 12/9/2019 về việc “Ly hôn” giữa:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Vĩnh Nghi, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp 12, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. (Có đơn vắng mặt)

**Bị đơn:** Bà Hứa Thùy Trang, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 248, đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. (Có đơn vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, THỐNG NHẤT 3/3  
Ý KIẾN CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Vĩnh Nghi, ông Nguyễn Vĩnh Nghi được ly hôn với bà Hứa Thùy Trang.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, ông Nguyễn Vĩnh Nghi phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Vĩnh Nghi đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009109 ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự Phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ ..... phút, ngày 25 tháng 10 năm 2019.**

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Út**